TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2025/QĐST- HNGĐ	*K, ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 297/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Thu Ng, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố Công Thành, phường Bảo An, tỉnh K.

Và ông Phạm Công T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố Công Thành, phường Bảo An, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Tỉnh và bà Ngân không đồng ý trở về chung sống đoàn tụ, bà Lê Thị Thu Ng và ông Phạm Công T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng xác nhận vợ chồng có 01 (*Một*) con chung tên Phạm Lê Bảo Ngọc, sinh ngày 03/9/2013. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận: Bà Lê Thị Thu Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Phạm Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*:

+ Ông Phạm Công T đồng ý giao 01 (một) con chung tên Phạm Lê Bảo Ngọc, sinh ngày 03/9/2013 cho bà Lê Thị Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Ông Phạm Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Tỉnh và bà Ngân đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004085, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh H . Ông Phạm Công T và bà Lê Thị Thu Ng đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh H ;
- VKSND Khu vực 5- K;
- THADS tỉnh Khánh H ;
- UBND phường Bảo An, KH;

(*Giấy CNKH số: 15, quyển 01/2013*

Ngày 06/3/2013).

- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hồng